



## HỢP ĐỒNG ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN

### *Contract for use of online trading services*

*(Dành cho khách hàng là Tổ chức/for institutional investor)*

Số/No: ...../CKDK

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành; *Pursuant to Securities Law No.70/2006/QH11 approved by the Congress of Socialist Republic of Vietnam dated 29<sup>th</sup> June 2006 and other guiding documents;*
- Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành; *Pursuant to E-transaction Law No.51/2005/QH11 approved by the Congress of Socialist republic of Vietnam dated 29<sup>th</sup> November 2005 and other guiding documents;*
- Căn cứ Thông tư số 50/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 3 năm 2009 hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán; *Pursuant to Circular no.50/2009/TT-BTC issued by the Ministry of Finance dated 16<sup>th</sup> March 2009 guiding on E-transactions in Securities market.*
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các Bên; *Pursuant to needs and capability of both Parties;*

Hợp đồng đăng ký giao dịch trực tuyến này (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) và các Phụ lục (nếu có) tạo thành một bộ phận không tách rời của Hợp đồng được lập ngày.....tháng.....năm.....tại .....giữa các bên sau đây: *This Contract for use of online trading services (hereinafter refer to as “the Contract”) and the Appendix (if yes) form an inseparate part of the Contract made on.....between the Parties:*

### **BÊN A: KHÁCH HÀNG (Tên tổ chức):/ PARTY A: THE CLIENT**

Tên tổ chức/ *Name of the institution:*.....

Chứng nhận đăng ký kinh doanh số/*Business registration no*.....

Ngày cấp/ *Date of issue:* ...../...../..... Nơi cấp/ *Place of issue*.....

Giấy phép hoạt động kinh doanh số/ *Certificate of incorporation:* .....

Ngày cấp/ *Date of issue:* ...../...../..... Nơi cấp/ *Place of issue*.....

Địa chỉ trụ sở chính/*Address:*.....

Điện thoại/*Telephone:*..... Fax:.....

Số tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí/ *Securities trading account number at PetroVietnam Securities Company:* 045F

Hợp đồng mở tài khoản giao dịch tại Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí Số/ *Account Opening Contract No.*.....Ngày/*Date*.....

Tài khoản ngân hàng số/*Bank Account No.:*.....Mở tại ngân/*At bank:* .....



Người đại diện/*Legal representative*: .....

Chức vụ/*Title*:.....

Số CMND/Hộ chiếu/*ID no./Passport no.*:.....

Ngày cấp/*Date of issue*:..... Nơi cấp/*Place of issue*:.....

Giấy ủy quyền (*trong trường hợp người đại diện ký hợp đồng không phải là đại diện theo pháp luật của tổ chức*) số/*Power of Attorney no. (in case the signing person is not the legal representative of the Institution)*.....ngày/*date*.....

(Sau đây gọi tắt là “Khách hàng”)/*Hereinafter refer to as “The Client”*

**Và/And:**

**BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ/**

**PARTY B: PETROVIETNAM SECURITIES COMPANY**

Trụ sở chính/*Address*: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại/*Telephone*: 84 – 4 – 39343888 Fax: 84 – 4 – 39343999

Website: <http://psi.vn>

Giấy phép HĐKDCK/*Business registration no.*: Số 26/UBCK-GPHDKD do UBCKNN cấp ngày 19/12/2006

Người đại diện/*Legal representative*: Ông/Mr. Tran Anh

Chức vụ/*Title*: Deputy Director – Hanoi Branch

Theo Quyết định phân công công việc số/*Pursuant to decision no.* .....

Ngày/*date*.....

(Sau đây gọi tắt là “PSI”)/*Hereinafter refer to as PSI*

Hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng này nhằm mục đích PSI cung cấp cho Khách hàng các dịch vụ giao dịch trực tuyến với các điều kiện và điều khoản dưới đây/*Both Parties agree to sign this Contract for the purpose of providing the Client with online trading services with the following terms and conditions :*

### **Điều 1: Giải thích thuật ngữ**

- 1.1 *Giao dịch trực tuyến*: là việc PSI sử dụng Hệ thống giao dịch (“Hệ thống giao dịch”) của PSI kết nối trực tiếp với Hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội/TP Hồ Chí Minh (SGDCK HN/TPHCM”) để thực hiện giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật.
- 1.2 *Dịch vụ giao dịch trực tuyến* (“Dịch vụ”): là dịch vụ do PSI cung cấp cho Khách hàng để mở tài khoản, đặt lệnh, đưa ra yêu cầu đối với các giao dịch chứng khoán, hoặc nhận kết quả giao dịch thông qua mạng Internet hoặc qua điện thoại.
- 1.3 *Nhân viên phụ trách giao dịch trực tuyến*: là người được PSI chỉ định để phối hợp với SGDCK HN/TPHCM trong các hoạt động liên quan đến giao dịch trực tuyến.

**TRỤ SỞ:** Số 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội I Tel: (84-4) 39343888 / Fax: (84-4) 39343999

**CHI NHÁNH TP HCM:** Lầu 7, 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh I Tel: (84-8) 39111818 / Fax: (84-8) 39111919

**CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG:** 54-56 Nguyễn Văn Linh, TP. Đà Nẵng I Tel: (84-511) 3899338 / Fax: (84-511) 3899339

**CHI NHÁNH VŨNG TÀU:** P.112, Petro Tower, số 8 Hoàng Diệu, Vũng Tàu I Tel: (84-64)6254520/22/23/24/26 / Fax: (84-64)6254521

- 1.4 *Chứng từ điện tử*: là thông điệp dữ liệu về hoạt động nghiệp vụ chứng khoán được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử trong hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến.
- 1.5 *Phiếu lệnh điện tử*: là thông điệp dữ liệu ghi lại những dữ liệu Khách hàng đã đặt lệnh giao dịch qua hệ thống dữ liệu của PSI tại một thời điểm nhất định và chỉ có Khách hàng truy cập được vào hệ thống đó thông qua mật khẩu truy cập và mật khẩu đặt lệnh.
- 1.6 *Chữ ký điện tử*: là thông điệp điện tử được tạo lập dưới dạng từ, chữ, số, ký hiệu, âm thanh hoặc các hình thức khác bằng phương tiện điện tử, gắn liền hoặc kết hợp một cách lô gíc với thông điệp dữ liệu, có khả năng xác nhận người ký thông điệp dữ liệu và xác nhận sự chấp thuận của người đó đối với nội dung thông điệp dữ liệu được ký.
- 1.7 *Chữ ký số*: là một dạng chữ ký điện tử được tạo ra bằng sự biến đổi một thông điệp dữ liệu sử dụng hệ thống mật mã không đối xứng theo đó người có được thông điệp dữ liệu ban đầu và khoá công khai của người ký có thể xác định được chính xác.
- 1.8 *SmartTrade*: là việc Khách hàng đặt lệnh giao dịch thông qua website của PSI (<http://online.psi.vn>) bao gồm cả việc tra cứu thông tin tài khoản và thông tin thị trường.
- 1.9 *SmartInvest*: là việc Khách hàng đặt lệnh giao dịch thông qua phần mềm giao dịch chuyên nghiệp của PSI. Phần mềm giao dịch chuyên nghiệp là phần mềm Khách hàng chủ động tải về qua website của PSI. Sau khi cài đặt vào máy tính cá nhân, Khách hàng có thể thực hiện tất các giao dịch điện tử về chứng khoán, về tiền mà PSI cung cấp, tra cứu số dư tiền hoặc chứng khoán, quản lý danh mục và tra cứu thông tin thị trường.
- 1.10 *SmartTele*: là việc Khách hàng đặt lệnh giao dịch qua điện thoại. Khách hàng có thể thực hiện tất cả các giao dịch trên tài khoản chứng khoán, tài khoản tiền mà PSI cung cấp dịch vụ, tra cứu số dư tiền hoặc chứng khoán, quản lý danh mục và tra cứu thông tin thị trường thông qua việc gọi điện đến số điện thoại nhận lệnh của PSI để thực hiện các giao dịch và tra cứu thông tin cá nhân cũng như thông tin thị trường qua tổng đài của PSI.
- 1.11 *SmartSMS*: là dịch vụ tin nhắn giá trị gia tăng qua kênh tin nhắn bao gồm tin nhắn thông báo kết quả giao dịch lệnh mua/bán chứng khoán và thông tin từ PSI. Ngoài ra, Khách hàng có thể tra cứu số dư tài khoản (tiền/chứng khoán) và tra cứu thông tin thị trường chứng khoán qua số dịch vụ mà PSI cung cấp.

### **Article 1: Definitions**

- 1.1 *Online trading services: means PSI use the Trading system (“Trading system”) to connect with the Trading system of Hanoi/Hochiminh stock exchanges to execute securities transactions in accordance with Law.*
- 1.2 *Online trading services (“Services”): means the services provided by PSI to open account, place orders and other requests for securities transactions, receive trading result via internet or telephone.*
- 1.3 *Online trading services staff: means the staff who is assigned by PSI to coordinate with the Stock exchanges to handle electronic transactions.*



- 1.4 *Electronic file: means the file concerning securities business that are made, sent, received and saved by electronic means during the online trading process.*
- 1.5 *Electronic order: means the data that saved all the order placed by the client via PSI trading system and only the client can access the data with user name and password.*
- 1.6 *Electronic signature: means the data that created under the form of text, figure, symbol, sound or others via electronic means, attached logically to the data system that is able to verify the signing person.*
- 1.7 *Digital signature: is a form of electronic signature.*
- 1.8 *SmartTrade: means the Client place order via PSI's website (<http://online.psi.vn>) including searching account information and market data.*
- 1.9 *SmartInvest: means the Client place order via PSI's trading system. The trading system is the software that the Client downloads from PSI's website. After having installed in the computer, the Client will be able to make electronic transactions, retrieve cash and securities balance, manage portfolio and find market information.*
- 1.10 *SmartTele: means the Client place order via telephone. The Client will be able to make transactions on the securities trading account, retrieve cash and securities balance, manage portfolio and find market information by calling to PSI call center.*
- 1.11 *SmartSMS: means the short message service including trading result and other announcement from PSI. Besides, the Client can also acquire cash and securities balance and find market information via the number provided by PSI.*

**Điều 2: Thông tin đăng ký giao dịch trực tuyến của Khách hàng (“Thông tin nhận dạng”)**

2.1 Thông tin nhận dạng dành cho giao dịch trực tuyến:

Tên truy cập: .....

Email: .....

Mã số thẻ bảo mật: .....

Khách hàng ký nhận thẻ bảo mật: .....

2.2 Thông tin nhận dạng dành cho giao dịch qua điện thoại:

Số điện thoại đăng ký thực hiện giao dịch:

Từ một trong số các số điện thoại sau:

(1):.....(2):.....

Mật khẩu đặt lệnh (quy ước gồm bốn chữ số, không phải dãy số tự nhiên liên tiếp):

**Ghi chú:** Quý khách vui lòng gọi đến từ số điện thoại đã đăng ký và cung cấp mật khẩu giao dịch qua điện



thoại gồm 4 chữ số để tư vấn viên có thể thực hiện giao dịch theo yêu cầu của Quý khách. Để bảo vệ Tài khoản của Quý khách tránh bị người khác vô tình hay cố ý thực hiện giao dịch ngoài mong muốn, chúng tôi sẽ không tiếp nhận thực hiện yêu cầu nếu không đáp ứng cả hai điều kiện trên.

## Article 2: Information of the Client (“Identifying information”)

### 2.1 Identifying information for use of online services:

Username: .....

Email: .....

Code of Security card: .....

Registration of security card: .....

### 2.2 Identifying information for use of telephone service:

Register number:

From either following numbers:

(1):.....(2).....

Order placing password (four digits, not consecutive number)

   

**Note:** The Client must call from the registered number and provide the 4 digit password so that the teller can execute the order. We shall not proceed your order without having both above mentioned conditions met.

## Điều 3: Dịch vụ giao dịch trực tuyến cung cấp cho Khách hàng

### 3.1 Dịch vụ cung cấp cho Khách hàng bao gồm:

- Tra cứu thông tin: Thông tin Khách hàng, tình hình thị trường;
- Đặt lệnh: Tra cứu số dư tài khoản tại PSI (tiền và chứng khoán), thông tin đặt lệnh, kết quả giao dịch;
- Chuyển nhượng quyền nhận tiền bán CK;
- Đăng ký quyền mua cổ phiếu phát hành thêm;
- Dịch vụ hỗ trợ thông tin qua tin nhắn SMS;
- Các dịch vụ tiện ích khác do PSI bổ sung tại từng thời điểm và Khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ.

### 3.2 Phương thức cung cấp dịch vụ:

Khách hàng lựa chọn các phương thức sau bằng cách ký vào ô bên cạnh để xác nhận đăng ký sử dụng dịch vụ.

Dịch vụ	Chữ ký khách hàng
<b>SmartTrade –Giao dịch trực tuyến qua website của PSI hoặc qua Phần mềm giao dịch chuyên nghiệp Smart Invest</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Truy vấn thông tin tài khoản</li> <li>○ Đặt lệnh mua bán, hủy sửa</li> <li>○ Nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán</li> </ul>	
<b>SmartTele - Giao dịch qua điện thoại</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Truy vấn thông tin tự động</li> <li>○ Đặt lệnh mua bán, hủy sửa</li> <li>○ Nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán</li> <li>○ Đăng ký quyền mua cổ phiếu phát hành thêm</li> </ul>	
<b>SmartSMS – Dịch vụ tin nhắn:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ SMS thông báo kết quả khớp lệnh mua/bán chứng khoán</li> <li>○ SMS thông tin từ PSI.</li> </ul>	

### 3.3 Thời gian cung cấp dịch vụ:

- (a) PSI cung cấp dịch vụ cho Khách hàng liên tục, ngoại trừ thời gian bảo trì, bảo dưỡng Hệ thống;
- (b) Thời gian nhận lệnh của Khách hàng: là thời gian áp dụng của lệnh giao dịch theo quy định pháp luật;
- (c) Thời gian ngừng cung cấp dịch vụ do bảo trì, bảo dưỡng Hệ thống không được diễn ra trong thời gian chính thức giao dịch theo quy định pháp luật.

### **Article 3: Online services:**

#### 3.1 The online services including:

- (a) Retrieve information: Account information, market information;
- (b) Place order;
- (c) Receive Sale proceeds in advance;
- (d) Exercise rights;
- (e) Providing information via SMS;
- (f) Other extra services provided by PSI;

### 3.2 Means of providing services:

<i>Services</i>	<i>Signature</i>
<b><i>SmartTrade – E-transactions via PSI’s website or via Software SmartInvest</i></b> <ul style="list-style-type: none"><li>○ <i>Retrieve account information</i></li><li>○ <i>Place buy/sell/modify/cancel order</i></li><li>○ <i>Receive sale proceeds in advance.</i></li></ul>	
<b><i>SmartTele – Telephone transactions</i></b> <ul style="list-style-type: none"><li>○ <i>Retrieve information</i></li><li>○ <i>Place buy/sell/modify/cancel order</i></li><li>○ <i>Receive sale proceeds in advance</i></li><li>○ <i>Register to exercise rights.</i></li></ul>	
<b><i>SmartSMS – SMS services:</i></b> <ul style="list-style-type: none"><li>○ <i>Send trading result via SMS;</i></li><li>○ <i>Send other information via SMS.</i></li></ul>	

### 3.3 Service time:

- (a) *PSI provide services for the Client continuously, except during maintenance period;*
- (b) *Time to receive the Client’s order: as prescribed by regulations.*
- (c) *Maintanance period shall not happen during the trading time as prescribed by Law.*

## **Điều 4: Phí dịch vụ**

Biểu phí dịch vụ theo quy định của PSI được công bố tại từng thời điểm.

### **Article 4: Service fee**

*Service fee as announced by PSI and subject to changes.*

## **Điều 5: Phương thức giao dịch**

- 5.1 *Điện thoại nhận lệnh tại PSI: 04.39872.888*
- 5.2 *Internet: (<http://online.psi.vn>) Tên đăng nhập, mật khẩu truy cập,...*

### **Article 5: Transaction means**

- 5.1 *Call center number: 04.39872.888*
- 5.2 *Internet: (<http://online.psi.vn>)*



## **Điều 6: Ủy quyền giao dịch**

Khách hàng có thể ủy quyền bằng văn bản cho bất kỳ người nào thực hiện giao dịch tại PSI. Văn bản ủy quyền phải lập theo mẫu quy định của PSI và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này để đảm bảo an toàn cho việc quản lý tài khoản của Khách hàng. Khi có nhu cầu thay đổi các thông tin về ủy quyền giao dịch, Khách hàng phải làm thủ tục đăng ký lại theo quy định của PSI. Khách hàng chịu trách nhiệm về kết quả giao dịch của người được ủy quyền.

### **Article 6: Power of attorney**

*The Client can authorize by written form to any person to trade at PSI. The power of attorney should be made according to the form provided by PSI and shall form an inseparable part of the Contract. The Client can change the authorized person and shall inform PSI about the changes by written form. The Client should be responsible for the trading result of the authorized person.*

## **Điều 7: Thông tin bảo mật**

7.1 Các thông tin cá nhân: Tên, số điện thoại, tài khoản

7.2 Những thông tin khác:

- (a) Khách hàng có trách nhiệm lưu giữ và bảo mật các thông tin đăng nhập: tên tài khoản, mật khẩu truy cập và thẻ bảo mật;
- (b) Khách hàng có trách nhiệm thông báo kịp thời cho PSI trong trường hợp bị quên, bị mất thông tin đăng nhập;
- (c) Khách hàng chịu trách nhiệm về các tổn thất phát sinh do quên, để lộ hoặc tiết lộ thông tin đăng nhập.

### **Article 7: Confidential information**

7.1 *Private information including: name, telephone number, account number.*

7.2 *Other information:*

- (a) *The Client should be responsible for keeping the confidential information such as: user name, password and security card;*
- (b) *The Client should be responsible for informing PSI in case the login information is lost;*
- (c) *The Client should bear the damages arising caused by forgetting or disclosing of login information.*

## **Điều 8: Những rủi ro phát sinh từ giao dịch trực tuyến**

Chi tiết những rủi ro phát sinh từ giao dịch trực tuyến được quy định tại Bản công bố rủi ro đính kèm và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.

Khách hàng thừa nhận rằng việc đặt lệnh thông qua các phương tiện như điện thoại, mạng Internet luôn tồn tại những rủi ro do lỗi của hệ thống hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác. Vì vậy, khi thực hiện đặt lệnh giao dịch theo các hình thức này, Khách hàng cam kết mặc nhiên chấp nhận mọi rủi ro, mất mát hoặc thiệt hại phát sinh đối với tài khoản do lỗi của hệ thống hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác.

### **Article 8: Potential risks**

*The enclosed Risk Declaration states all the risks may be exposed from online transaction and forms an*





*integral part of this Contract.*

*The Client acknowledges that order placed via telephone, internet is exposed to risks due to system error or any other third party. Therefore by placing order via those above mentioned means, the Client acknowledges that they will bear all the risks, losses or damages caused by system error or by any other third party.*

### **Điều 9: Cam kết của Khách hàng**

- 9.1 Đã tìm hiểu đầy đủ về dịch vụ, được hướng dẫn đầy đủ và chi tiết về cách thức sử dụng các dịch vụ giao dịch trực tuyến của PSI và ý thức được những rủi ro có thể phát sinh từ Giao dịch trực tuyến; Tự nguyện tham gia đăng ký dịch vụ giao dịch trực tuyến và tự chịu trách nhiệm liên quan đến quyết định đầu tư của mình; Khách hàng cam kết thực hiện các điều khoản và điều kiện này và các biểu phí liên quan hiện hành được PSI đính kèm hoặc thông báo cho Khách hàng;
- 9.2 Cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định tại Hợp đồng này và thực hiện giao dịch đúng quy định, hướng dẫn của PSI và pháp luật hiện hành liên quan đến giao dịch trực tuyến;
- 9.3 Cam kết cung cấp đầy đủ thông tin liên quan và kịp thời thông báo khi có sự thay đổi thông tin, chịu trách nhiệm với thông tin cung cấp cho PSI;
- 9.4 Thanh toán đầy đủ các khoản phí và lệ phí của PSI.

### **Article 9: Customer commitment**

- 9.1 *Having fully understood the services, were instructed about the online services of PSI and is aware of the risks may be exposed from online transaction; shall be responsible for their investment decision.*
- 9.2 *Is bound by the terms and conditions of this Contract and shall comply to trading regulations as prescribed by Law;*
- 9.3 *Shall inform about the changes, be responsible for the information provided to PSI;*
- 9.4 *Shall pay the fee and charges to PSI.*

### **Điều 10: Cam kết của PSI**

- 10.1 Đảm bảo cung cấp dịch vụ thuận tiện, đầy đủ, an toàn cho Khách hàng;
- 10.2 Quản lý thông tin liên quan đến việc thực hiện giao dịch của Khách hàng theo đúng quy định của pháp luật;
- 10.3 Cung cấp, hướng dẫn và hỗ trợ Khách hàng sử dụng các dịch vụ của mình, công bố công khai biểu phí dịch vụ áp dụng tại từng thời điểm;
- 10.4 Bảo mật thông tin của Khách hàng (tài khoản đăng nhập/mật khẩu truy cập, thông tin giao dịch và các thông tin khác của Khách hàng), trừ trường hợp phải cung cấp thông tin này cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- 10.5 Kịp thời thông báo cho Khách hàng và nỗ lực khắc phục các sự cố dẫn đến tạm ngừng/giảm sút chất lượng cung cấp dịch vụ;
- 10.6 Thông báo cho Khách hàng trong trường hợp tạm ngừng, ngừng, thay đổi, chỉnh sửa, thay thế một phần hoặc toàn bộ dịch vụ; thay đổi các điều khoản trong Hợp đồng để phù hợp với các quy định của pháp luật.

### **Article 10: PSI Commitment**

- 10.1 *To provide the most convenient, complete and safest for the Client;*
- 10.2 *To manage information related to the transactions of the Client in accordance with Law;*
- 10.3 *To provide, explain and support the Client; published fee structure.*
- 10.4 *To keep information confidential (user name, password, transactions and other information of the Client), unless providing to the competent agencies as prescribed by law;*
- 10.5 *To notify promptly the Client and attempt to overcome the problems leading to reduction of quality service;*
- 10.6 *To notify the Client in the event pause, stop, change, modify or change part or all services; change the terms in the Contract in accordance with the provisions as prescribed by law.*

### **Điều 11: Sự kiện bất khả kháng**

- 11.1 “*Sự kiện bất khả kháng*” là bất kỳ sự kiện nào nằm ngoài sự kiểm soát của một trong các bên, ngăn cản hoặc làm chậm trễ việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào theo Hợp đồng. Những sự kiện đó bao gồm nhưng không giới hạn bởi: chiến tranh, nổi loạn, khởi nghĩa, những hành động phá hoại, đình công, bãi công hoặc tình trạng lao động bất ổn khác, bệnh dịch, cháy nổ hoặc các tai nạn khác không thể tránh được, lũ lụt, bão, động đất hoặc sự kiện thiên tai bất thường khác, lỗi kỹ thuật xử lý hệ thống phần mềm, phần cứng theo Bản công bố rủi ro đính kèm Hợp đồng này.
- 11.2 Các bên sẽ không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc chậm trễ thực hiện bất cứ nghĩa vụ nào theo Hợp đồng là do Sự kiện bất khả kháng;
- 11.3 Trừ khi bản chất của các sự kiện nêu trên ngăn cản việc thực hiện các nghĩa vụ này, Bên gặp phải Sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên kia và trong vòng 2 ngày sau đó phải cung cấp cho bên kia mọi thông tin chi tiết về sự kiện này và tài liệu xác nhận của các cơ quan thẩm quyền chứng minh về Sự kiện bất khả kháng, và trong phạm vi khả năng có thể được cố gắng hết sức mình để tháo gỡ hoặc khắc phục các nguyên nhân này bằng mọi biện pháp nhanh gọn hợp lý nhất.

### **Article 11: Force Majeure**

- 11.1 “*Force Majeure*” means any event beyond the control of either party which prevent or delay the execution of any obligations under this contract. Those events including but not limited to: war, rebellion, insurrection, acts of sabotage, strike, disease, fire or other unavoidable accident, floods, hurricanes, earthquakes or natural disasters or other unexpected events, technical error of software, hardware published in The risk declaration attached to this Contract.
- 11.2 *The parties shall not be responsible for non-performing or delayed performance of any obligations under this Contract due to force majeure.*
- 11.3 *Unless the nature of the events mentioned above prevented the implementation of the obligations, the party encountered a force majeure event shall notify the other party within 2 days and then the other party must provide all information about the event, and the document certifying the force majeure event.*

### **Điều 12: Chấm dứt Hợp đồng**

Hợp đồng này có thể được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 12.1 Theo thỏa thuận của các Bên;



- 12.2 Theo yêu cầu của Khách hàng;
- 12.3 Khi Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán giữa Khách hàng và PSI chấm dứt hiệu lực;
- 12.4 Theo quyết định của PSI trong các trường hợp:
- (a) Khách hàng có hành vi vi phạm nghĩa vụ hoặc thực hiện hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
  - (b) Khách hàng có hành vi làm tổn hại đến hệ thống giao dịch của PSI;
  - (c) Khách hàng vi phạm điều khoản của Hợp đồng;
  - (d) Do các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Trong các trường hợp nêu trên, PSI sẽ phong tỏa tài khoản của Khách hàng, báo cáo Trung tâm lưu ký, Sở giao dịch, kết toán chi phí thủ tục và sử dụng số tiền trên tài khoản hiện có cũng như xử lý các loại chứng khoán trên tài khoản Khách hàng hiện có để làm nguồn thanh toán các nghĩa vụ của Khách hàng đối với các giao dịch đã phát sinh. Nếu sau khi thực hiện các khoản phải thanh toán mà còn dư sẽ được chuyển trả cho Khách hàng.

#### **Article 12: Contract termination**

*This Contract shall be terminated in the following cases:*

- 12.5 *According to agreement between parties;*
- 12.6 *According the Client's request;*
- 12.7 *At the expiry date of the Contract for Account opening between The Client and PSI;*
- 12.8 *Upon decision of PSI on the following cases:*
- (a) *The Client violate the obligations or commit illegal actions as prescribed by Law;*
  - (b) *The Client commit damaging actions to PSI trading system;*
  - (c) *The Client violate terms and conditions of the Contract;*
  - (d) *According to the request of competent agencies as prescribed by Law.*

*According to the above mentioned cases, PSI shall freeze the account, report to the Depository Center, the exchanges, and settle payment for the Client's obligations if any.*

#### **Điều 13: Điều khoản chung**

- 13.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày..... và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán số.....ngày.....tháng.....năm.....giữa PSI và Khách hàng.
- 13.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có bất cứ khó khăn trở ngại nào xảy ra, hai Bên cần thảo luận giải quyết và kết luận bằng văn bản trên tinh thần hợp tác. Trong trường hợp có tranh chấp, khiếu nại mà các Bên không tự hoà giải được thì sẽ đưa tranh chấp ra cơ quan toà án có thẩm quyền để giải quyết.
- Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một (01) bản để làm cơ sở thực hiện.

#### **Article 13: General provisions**

- 13.3. *This Contract shall be valid from.....and form an integral part of the Contract for Account Opening no. ....date.....between PSI and the Client.*



13.4. *During the implementation of this Contract, any disputes or complaints between parties should be discussed and resolved by mediation. If the disputes or complaints can not be resolved by mediation, the case should be referred to the court.*

*This Contract is made into 02 original of equal value, each party keep one.*

**KHÁCH HÀNG/**

*The Client*

( Ký và ghi rõ họ tên)/*sign and seal*

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN/**

*For and on behalf of PSI*

( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)/*Sign and seal*